

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ PHÚC GIA HƯNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ PHÚC GIA HƯNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUC GIA HUNG TRADING INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHUC GIA HUNG TRAVEST Co.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110239577

3. Ngày thành lập: 01/02/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà số 37, Block 5, Ô H – TT1, khu nhà ở Hi Brand, khu đô thị mới Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.22143724

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc; Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước; Chống ẩm các toà nhà; Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ); Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối; Uốn thép; Xây gạch và đặt đá; Lợp mái các công trình nhà để ở; Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo; Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp; Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; Thuê cần trục có người điều khiển	4390

5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (không bao gồm môi giới, đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (không bao gồm môi giới, đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4513
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm môi giới, đấu giá)	4530
9.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm môi giới, đấu giá)	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
14.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
15.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
16.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn; Kinh doanh rượu	4633
17.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn sản phẩm nhựa dân dụng; Bán buôn hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gốm sứ;	4649
20.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659

23.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép	4662
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim	4663
26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phân bón; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
27.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
28.	Dịch vụ đóng gói	8292
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
30.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
31.	Lập trình máy vi tính	6201
32.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
33.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm hoạt động tư vấn pháp luật)	6619
34.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	7020
35.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn quản lý dự án; Khảo sát xây dựng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng; Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng	7110
36.	Quảng cáo (Loại trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
37.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
38.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
39.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch	7490
40.	Cho thuê xe có động cơ	7710
41.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
42.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020

43.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
44.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
45.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
46.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
47.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
48.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
49.	Sản xuất đường	1072
50.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
51.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
52.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
53.	Sản xuất chè	1076
54.	Sản xuất cà phê	1077
55.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
56.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
57.	Sản xuất giày, dép	1520
58.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
59.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
60.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
61.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
62.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
63.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
64.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
65.	In ấn	1811
66.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
67.	Sao chép bản ghi các loại	1820
68.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
69.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
70.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394

71.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất bê tông đúc sẵn, xi măng hoặc các sản phẩm đá nhân tạo sử dụng trong xây dựng; Sản xuất các hợp chất xây dựng đúc sẵn dùng trong xây dựng hoặc xây dựng dân dụng từ đá, xi măng hoặc đá nhân tạo; Sản xuất các sản phẩm vữa dùng trong xây dựng như: Dạng tấm, bảng, thanh; Sản xuất nguyên liệu xây dựng từ thực vật (gỗ, sợi thực vật, rơm, rạ, bấc) được trộn với xi măng, vôi, vữa và các khoáng khác; Sản xuất các sản phẩm từ xi măng amiăng hoặc xi măng sợi xenlulo hoặc vật liệu tương tự như: Các tấm gấp nhiều lần, thanh, ngói, ống, vôi, vò, bồn rửa, khung cửa sổ; Sản xuất các sản phẩm khác như: chậu hoa, bức phù hiệu, tượng từ bê tông, vôi, vữa, xi măng hoặc đá nhân tạo; Sản xuất vữa bột; Sản xuất bê tông trộn sẵn và bê tông khô; bê tông nhựa hạt mịn; Bê tông nhựa hạt thô; nhũ tương...	2395
72.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
73.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
74.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
75.	Bốc xếp hàng hóa	5224
76.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
77.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
78.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
79.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
80.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển	7730
81.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
82.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
83.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
84.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
85.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
86.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu	8219
87.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
88.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
89.	Xây dựng nhà để ở	4101

90.	Xây dựng nhà không để ở	4102
91.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
92.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
93.	Xây dựng công trình điện	4221
94.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
95.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
96.	Xây dựng công trình thủy	4291
97.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
98.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
99.	Phá dỡ	4311
100.	Chuẩn bị mặt bằng (loại trừ hoạt động nổ mìn)	4312
101.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN TIẾN KHÁNH	Việt Nam	Tiểu khu Mỹ Lâm, Thị Trấn Phú Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	50.000.000	10,000	001087039328	
2	HOÀNG THỊ PHƯƠNG MAI	Việt Nam	P1201 Bohemia Residence, số 25 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	450.000.000	90,000	035189005495	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN KHÁNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 24/03/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001087039328

Ngày cấp: 16/04/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tiểu khu Mỹ Lâm, Thị trấn Phú Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tiểu khu Mỹ Lâm, Thị trấn Phú Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội